TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2025/DS-ST
Ngày: 02-04-2025
V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phan Thị Dòn

2- Ông Đặng Văn Ẩn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S.**

Địa chỉ trụ sở: N, Phường V, Quận **, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH S**. Địa chỉ: N, Phường V, Quận **, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).

Đại diện theo pháp luật của Công ty S: Ông **Lê Ngọc T**. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ủy quyền lại cho:

1/ Ông **Nguyễn Vũ Khánh C**, sinh năm 1983. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 775/2023/GUQ-TGĐ ngày 13/9/2023).

2/ Ông **Trần Gia T**, sinh năm 1971. Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH S (theo Giấy ủy quyền số 1161/2024/UQ-TGĐ ngày 21/02/2024) (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: N, Phường V, Quận **, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trường C**, sinh năm 1973 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: L, Chung cư H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Trần Gia T trình bày như sau:

Ngày 03/12/2019, Trần Gia T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiếm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng sử dụng là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa, Số thẻ: 472075-6479; Hạn mức: 50.000.000; Ngày ký hợp đồng: 03/12/2019; Lãi suất áp dụng: 2.6%/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 71.405.470 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 49.406.081 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ Điều 21 của Bản điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/07/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 35,747,346 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại)).

Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông C phải

trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 27/12/2024 là 94.023.234 đồng. Cụ thể là: Loại thẻ: Visa, Số thẻ: 472075-6479; Nợ gốc: 35.747.346, lãi quá hạn: 58.275.888; lãi suất áp dụng: 3.9% (2.6%*150%)**.**

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông C, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn Trần Gia T:

1. Buộc Trần Gia T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/12/2024 là: 94.023.234 đồng (Chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc: 35.747.346 đồng; Lãi quá hạn: 58.275.888 đồng.

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/12/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn Trần Gia T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng Trần Gia T vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

1. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S ông Trần Gia T có đơn xin vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày yêu cầu như sau:

- Buộc Trần Gia T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/4/2025 là 98,484,546 đồng (Chín mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm bốn mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 35,747,346 đồng; Lãi quá hạn : 62,737,200 đồng.

- Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 03/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Bị đơn Trần Gia T vắng mặt không lý do.

3. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể

từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn giải quyết chưa đảm bảo đúng thời hạn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện Trần Gia T yêu cầu ông C thanh toán khoản tiền vay nợ theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2019 với mục đích tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2019 Trần Gia T có ghi địa chỉ hiện tại Lô A, Căn hộ 6.04, Chung cư Hồng Lĩnh, huyện Bình chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 1299/TAHBC ngày 23/4/2024 của Công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung *"Đ/s Nguyễn Trường C, sinh năm: 1973, không có thực tế cư trú tại Lô A, căn hộ 6.04 Chung cư H, đường 9A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh"* và tại kết quả xác minh Công văn số 3385/TAHBC ngày 08/10/2024 của Công an Phường 25, quận Bình Thạnh có nội dung: "*Công dân Nguyễn Trường C, sinh năm: 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Lô A8-21 Khu cầu Kinh-XVNT, Phường **, quận B. Nhà bán từ 2023, hiện tạm trú tại Chung cư H, ấp **, xã B, huyện Bình Chánh*". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Trần Gia T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2019, bị đơn được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng là: Loại thẻ: Visa, Số thẻ: 472075-6479; hạn mức: 50.000.000 đồng; lãi suất: 2.6%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ, Trần Gia T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 71.405.470 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 49.406.081 đồng thì ngưng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/7/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 35.747.346 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Vì vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Trần Gia T trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/4/2025 là 98,484,546 đồng (Chín mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm bốn mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 35,747,346 đồng; Lãi quá hạn : 62,737,200 đồng, ngoài ra yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 03/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

*** Đối với yêu cầu thanh toán tiền gốc của Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng)**:

Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng cho thấy kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 71.405.470 đồng thì ngưng.

Căn cứ Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 29/11/2019 quy định: *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ TBGD tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một Thẻ trong S, việc vi phạm ở một thẻ sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả Thẻ khác. Trường hợp chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, dư nợ của chủ thẻ theo Hợp đồng này cũng được xem là quá hạn và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ".*

Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/7/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn số tiền là 35.747.346 đồng làm nợ gốc là có cơ sở phù hợp với quy định của ngân hàng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"...Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật..."*.

Kể từ ngày 23/7/2021 đến nay, ông C không thanh toán thêm khoản tiền gốc nào cho ngân hàng nữa. Mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Vậy nên, ông C đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông C phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 35.747.346 (Ba mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm bốn mươi sáu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

*** Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP S:**

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật..."*

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2019, các bên không có thỏa thuận lãi quá hạn trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, tại điểm b Khoản 4 Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín quy định (các bên đã thỏa thuận bản điều khoản và điều kiện này là một phần của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2019) có quy định như sau: *"áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của S"*. Theo quy định tại khoản 1.24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín giải thích về lãi suất như sau*: "Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn".*

Căn cứ vào Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành Biểu phí sản phẩm dich vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam, qui định về lãi suất Thẻ tín dụng quốc tế là 2.4-2.6%/tháng. Đối chiếu qui định này của S thì từ ngày 23/7/2021 đến 02/4/2025 số tiền quá hạn là 62,737,200 đồng (Sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi,lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn là Trần Gia T.

Buộc Trần Gia T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 02/4/2025 là 98,484,546 đồng (Chín mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm bốn mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 35,747,346 đồng; Lãi quá hạn: 62,737,200 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2025 Trần Gia T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà ông C phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn

Các đương sự có quyền thỏa thuận về địa điểm giao nhận tiền và thời điểm giao nhận tiền, trường hợp không thỏa thuận được thì thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Trần Gia T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.924.227 (Bốn triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi bảy) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.986.938 (Một triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23P/0033618 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

2 000013 668202

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền